

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y

Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

2. Thông tư số 15/2024/TT-BNNPTNT ngày 20/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.

3. Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Luật thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y¹.

¹ Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn chi tiết thi hành khoản 2 và 3 Điều 74 của Luật thú y, cụ thể như sau:

1. Danh mục động vật thuộc diện phải kiểm soát giết mổ; Danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y; Danh mục đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y.

2. Quy trình kiểm soát giết mổ động vật; quy trình, hồ sơ kiểm tra vệ sinh thú y; mẫu dấu kiểm soát giết mổ, tem vệ sinh thú y; quy định việc xử lý động vật,

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.”

Thông tư số 15/2024/TT-BNNPTNT ngày 20/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19/6/2015;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.”

Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y.

sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến hoạt động giết mổ động vật trên cạn, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Danh mục động vật thuộc diện phải kiểm soát giết mổ; Danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y; Danh mục đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y

1. Danh mục động vật thuộc diện phải kiểm soát giết mổ theo quy định tại mục 1 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y theo quy định tại mục 2 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
3. Danh mục đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y theo quy định tại mục 3 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Yêu cầu đối với động vật đưa vào giết mổ

1. Động vật đưa vào giết mổ phải khỏe mạnh, bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y; đối với động vật bị tổn thương, kiệt sức do quá trình vận chuyển, không có khả năng phục hồi nhưng không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm được phép giết mổ trước.
- 2². Có nguồn gốc rõ ràng, cụ thể như sau: có Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (đối với động vật có nguồn gốc từ địa bàn cấp tỉnh khác); có các giấy tờ như hóa đơn, chứng từ, hợp đồng mua bán, Giấy chứng nhận tiêm phòng hoặc các giấy tờ tương đương khác hoặc được kê khai theo Điều 4 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi (đối với động vật trong địa bàn cấp tỉnh) để có thể truy xuất nguồn gốc.

Chương II

QUY TRÌNH KIỂM SOÁT GIẾT MỔ ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

Mục 1

QUY TRÌNH KIỂM SOÁT GIẾT MỔ CÁC LOẠI GIA SÚC NUÔI

Điều 5. Kiểm tra trước giết mổ

1. Kiểm tra hồ sơ, sổ sách ghi chép nguồn gốc động vật đưa vào giết mổ của cơ sở giết mổ; Giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển động vật theo quy định.

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

2³. Kiểm tra việc thực hiện các quy định vệ sinh đối với người tham gia giết mổ.

3. Kiểm tra lâm sàng động vật:

a) Phải được tiến hành tại khu vực chờ giết mổ, có đủ ánh sáng;

b) Quan sát các biểu hiện lâm sàng của động vật: Trường hợp phát hiện động vật có dấu hiệu mắc bệnh truyền nhiễm, phải cách ly động vật và kiểm tra lại toàn đàn. Mọi trường hợp động vật có dấu hiệu bất thường đều phải được đánh dấu, tách riêng, theo dõi và xử lý theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này;

c)⁴ Chỉ cho phép giết mổ gia súc đáp ứng yêu cầu tại Điều 4, được lưu giữ tại khu vực chờ giết mổ để bảo đảm gia súc trở về trạng thái bình thường và đã được kiểm tra lâm sàng trước khi giết mổ;

d) Đối với động vật lưu giữ chưa giết mổ sau 24 giờ, phải tái kiểm tra lâm sàng.

4. Lập sổ theo dõi và ghi chép những thông tin cần thiết trước giết mổ bao gồm:

a) Tên chủ động vật;

b) Nơi xuất phát của động vật;

c) Loại động vật;

d) Số lượng động vật trong cùng một lô;

đ) Thời gian nhập;

e) Kết quả kiểm tra trước khi giết mổ (triệu chứng lâm sàng, thân nhiệt của động vật trong trường hợp có biểu hiện bất thường);

g) Số lượng, lý do động vật chưa được giết mổ;

h) Biện pháp xử lý;

i) Chữ ký của nhân viên thú y.

5.⁵ Kiểm tra việc thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc nhà xưởng, trang

³ Khoản này đã bỏ cụm từ “trang phục bảo hộ trong lúc làm việc” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

⁴ Điều này đã bỏ từ “sạch” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

thiết bị, dụng cụ ở cơ sở giết mổ trước khi giết mổ theo hướng dẫn của cơ quan quản lý thú y (sau đây viết tắt là cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y⁶) quy định tại QCVN 01-150:2017/BNNTPTNT ban hành kèm theo Thông tư số 13/2017/TT-BNNPTNT ngày 20/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực thú y (sau đây viết tắt là QCVN 01-150).

Điều 6. Kiểm tra sau giết mổ các loại gia súc nuôi

1. Thực hiện khám đầu, phủ tạng (phổi, tim, gan, thận, lách, dạ dày, ruột) và khám thân thịt để phát hiện các dấu hiệu bất thường, dấu hiệu bệnh lý. Quy trình kiểm tra theo hướng dẫn cụ thể tại mục 4 và mục 5 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Kiểm tra thân thịt, phủ tạng sau giết mổ phải được tiến hành ngay sau khi tách phủ tạng, rửa sạch thân thịt và hạn chế tối đa làm thay đổi phẩm chất của thân thịt trong quá trình kiểm tra. Vết cắt trên thân thịt phải chính xác ở vị trí cần kiểm tra, thực hiện cắt dọc để hạn chế diện tích tiếp xúc của thân thịt với môi trường ngoài.

3. Trong trường hợp phát hiện thấy có dấu hiệu bệnh tích ở thân thịt, phủ tạng, phải đánh dấu, tách riêng và đưa tới khu xử lý để kiểm tra lại lần cuối trước khi đưa ra quyết định xử lý; đóng dấu “XỬ LÝ V.S.T.Y” hoặc dấu “HỦY” sau khi có quyết định xử lý đối với sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y.

4. Thân thịt và phủ tạng của cùng một con gia súc phải được đánh dấu giống nhau để tránh nhầm lẫn; phủ tạng phải được kiểm tra tuần tự từng bộ phận để phát hiện những dấu hiệu bất thường.

5. Đóng dấu kiểm soát giết mổ, dán tem vệ sinh thú y hoặc đánh dấu kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y đối với thân thịt, phủ tạng, phụ phẩm ăn được bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y; cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển sản phẩm động vật theo quy định.

6.⁷ Kiểm tra việc thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc nhà xưởng, trang thiết bị, dụng cụ ở cơ sở giết mổ sau khi giết mổ theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y⁸ quy định tại QCVN 01-150.

⁶ Cụm từ “cơ quan Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁷ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

⁸ Cụm từ “cơ quan Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Mục 2

QUY TRÌNH KIỂM SOÁT GIẾT MỔ CÁC LOẠI GIA CẦM NUÔI

Điều 7. Kiểm tra trước giết mổ

1. Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm b, d khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 5 của Thông tư này.

2. Việc kiểm tra lâm sàng tình trạng sức khỏe của gia cầm thực hiện tại nơi có đủ ánh sáng và khi được treo lên dây chuyền giết mổ (đối với cơ sở giết mổ công nghiệp và bán công nghiệp) nhằm phát hiện gia cầm quá yếu, còi cọc hoặc gia cầm có biểu hiện mắc bệnh truyền nhiễm để có các biện pháp xử lý thích hợp.

3. Sau khi kiểm tra lâm sàng, gia cầm khỏe mạnh phải sớm được đưa vào giết mổ.

Điều 8. Kiểm tra sau giết mổ các loại gia cầm nuôi

1. Khám thân thịt và phủ tạng: Quy trình kiểm tra theo hướng dẫn cụ thể tại mục 6 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Việc kiểm tra sau giết mổ thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 và khoản 6⁹ Điều 6 của Thông tư này; thân thịt và phủ tạng của từng con gia cầm phải được để cùng nhau, tránh nhầm lẫn.

Mục 3

QUY TRÌNH KIỂM SOÁT GIẾT MỔ CÁC LOẠI ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN KHÁC DÙNG LÀM THỰC PHẨM

Điều 9. Quy trình kiểm soát giết mổ các loại động vật trên cạn khác dùng làm thực phẩm

1. Kiểm tra trước giết mổ: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

2. Kiểm tra sau giết mổ:

a) Khám thân thịt và phủ tạng: Quy trình kiểm tra theo hướng dẫn cụ thể tại mục 4.1, điểm a, c mục 4.2 và điểm a, b mục 4.3 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Việc kiểm tra sau giết mổ thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 và khoản 6¹⁰ Điều 6 của Thông tư này.

⁹ Cụm từ “khoản 6” được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

¹⁰ Cụm từ “khoản 6” được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

Mục 4

XỬ LÝ ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT KHÔNG BẢO ĐẢM YÊU CẦU VỆ SINH THÚ Y

Điều 10. Nguyên tắc xử lý đối với động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y

1. Việc xử lý vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật phải thực hiện ngay và được cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y¹¹, nhân viên thú y hướng dẫn, giám sát, kiểm tra.

2. Những người trực tiếp thực hiện xử lý động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh nguy hiểm phải được trang bị bảo hộ lao động.

3. Địa điểm xử lý vệ sinh thú y phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

4. Địa điểm, trang thiết bị, dụng cụ xử lý đối với động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y phải được vệ sinh, khử trùng sau mỗi lần xử lý.

5. Chủ động vật phải chịu mọi chi phí trong thời gian nuôi cách ly, theo dõi; chủ lô hàng sản phẩm động vật phải chịu mọi chi phí bảo quản sản phẩm động vật đến khi có kết luận của cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y¹².

Điều 11. Quy trình xử lý động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y

Khi phát hiện động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y¹³ có thẩm quyền, nhân viên thú y thực hiện như sau:

1. Cách ly động vật ở khu vực riêng;

2. Lập biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y của động vật, sản phẩm động vật theo Mẫu số 04 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; yêu cầu chủ cơ sở, chủ lô hàng thực hiện các biện pháp xử lý vệ sinh thú y để bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường;

3. Lấy mẫu động vật, sản phẩm động vật gửi phòng thử nghiệm trong trường

¹¹ Cụm từ “cơ quan Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

¹² Cụm từ “cơ quan Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

¹³ Cụm từ “cơ quan Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

hợp cần thiết để kiểm tra chỉ tiêu vi sinh vật và tồn dư thuốc thú y, chất cấm, mầm bệnh theo Mẫu số 03 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

4. Lập biên bản xử lý vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y theo Mẫu số 05 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

5. Thông báo cho chủ cơ sở, chủ lô hàng và các cơ quan liên quan về kết quả xử lý và các yêu cầu đối với động vật, sản phẩm động vật được phép sử dụng sau khi xử lý;

6. Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện xử lý vệ sinh thú y.

Điều 12. Quy định về xử lý đối với động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y tại cơ sở giết mổ

1. Các biện pháp xử lý bao gồm: Tạm dừng giết mổ; giết mổ ở khu vực riêng; giết mổ bắt buộc, tiêu hủy bắt buộc hoặc chuyển mục đích sử dụng.

2. Động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y được xử lý theo hướng dẫn tại mục 1 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Cục Chăn nuôi và Thú y¹⁴ hướng dẫn biện pháp xử lý bắt buộc đối với động vật mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới.

Điều 13. Quy định về xử lý đối với sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y

1. Các biện pháp xử lý bao gồm: Tiêu hủy; xử lý nhiệt; xử lý cơ học; chuyển mục đích sử dụng.

2. Hướng dẫn xử lý đối với sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y tại cơ sở giết mổ như sau:

a) Sản phẩm động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm phát hiện trong quá trình giết mổ xử lý theo hướng dẫn tại mục 2 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu về cảm quan xử lý theo hướng dẫn tại mục 3 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Sản phẩm động vật ô nhiễm vi sinh vật không được phép có hoặc vượt quá mức giới hạn cho phép xử lý theo hướng dẫn tại mục 4 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu về các chỉ tiêu tồn dư thuốc kháng sinh hoặc phát hiện tồn dư chất cấm, chất độc xử lý theo hướng dẫn tại mục 5 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

¹⁴ Cụm từ “Cục Thú y” được thay thế bằng cụm từ “Cục Chăn nuôi và Thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

đ) Sản phẩm động vật mang ký sinh trùng, ấu trùng của ký sinh trùng xử lý theo hướng dẫn tại mục 6 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ DẤU KIỂM SOÁT GIẾT MỔ, TEM VỆ SINH THÚ Y

Mục 1

MẪU DẤU KIỂM SOÁT GIẾT MỔ SỬ DỤNG TẠI CƠ SỞ GIẾT MỔ ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU

Điều 14. Mẫu dấu kiểm soát giết mổ đóng trên thân thịt gia súc để xuất khẩu

1. Dấu hình tròn, có kích thước: Đường kính vòng ngoài 40 mm, đường kính vòng trong 25 mm, ở giữa có đường phân cách đi qua tâm đường tròn chia đôi dấu thành hai phần bằng nhau. Đường tròn ngoài, đường tròn trong và đường kẻ ngang của dấu có bề rộng là 1 mm.

2. Khoảng cách giữa đường tròn trong và đường tròn ngoài của dấu:

a) Phía trên khắc chữ “**K. S. G. M. X. K**” (viết tắt của cụm từ kiểm soát giết mổ xuất khẩu), chiều cao của chữ là 4 mm, bề rộng của nét chữ là 1 mm;

b) Phía dưới khắc chữ “**CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y¹⁵**”, chiều cao của chữ là 4 mm, bề rộng của nét chữ là 1 mm.

3. Hình tròn phía trong của dấu khắc mã số của cơ sở giết mổ theo quy định sau:

a) Phía trên khắc mã hiệu của cơ quan quản lý cơ sở giết mổ theo ký tự A hoặc B, C, ..., chiều cao của chữ là 10 mm, bề rộng của nét chữ là 2 mm;

b) Phía dưới khắc số hiệu của cơ sở giết mổ theo số thứ tự 1 hoặc 2, 3, ..., chiều cao của chữ số là 10 mm, bề rộng của nét số là 2 mm.

4. Mẫu dấu theo hướng dẫn như Hình 1 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Mẫu dấu kiểm soát giết mổ đóng trên thân thịt gia cầm để xuất khẩu

1. Dấu hình tròn có kích thước: Đường kính vòng ngoài 30 mm, đường kính vòng trong 20 mm, ở giữa có đường phân cách đi qua tâm đường tròn chia đôi dấu thành hai phần bằng nhau; đường tròn ngoài, đường tròn trong và đường kẻ ngang của dấu có bề rộng là 0,5 mm.

2. Vòng tròn ngoài của dấu:

a) Phía trên khắc chữ “**K. S. G. M. X. K**” (viết tắt của cụm từ kiểm soát giết

¹⁵ Cụm từ “Cục Thú y” được thay thế bằng cụm từ “Cục Chăn nuôi và Thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

mở xuất khẩu), chiều cao của chữ là 3 mm, bề rộng của nét chữ là 1 mm;

b) Phía dưới khắc chữ “**CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y**¹⁶”, chiều cao của chữ là 3 mm, bề rộng của nét chữ là 1 mm.

3. Hình tròn phía trong của dấu:

a) Phía trên khắc mã số của cơ quan quản lý theo ký tự A hoặc B, C, ..., chiều cao của chữ là 5 mm, bề rộng của nét chữ là 1,5 mm;

b) Phía dưới khắc mã số của cơ sở giết mổ theo số thứ tự 1 hoặc 2, 3, ..., chiều cao của chữ số là 5 mm, bề rộng của nét số là 1,5 mm.

4. Mẫu dấu theo hướng dẫn như Hình 2 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Mẫu dấu kiểm soát giết mổ đóng trên thân thịt gia súc để tiêu thụ nội địa

1. Dấu hình chữ nhật, có kích thước: Dài 80 mm, rộng 50 mm, các đường thẳng có bề rộng 1 mm.

2. Dấu được chia thành 3 phần theo chiều dài: Phần trên và phần dưới rộng 13mm, phần giữa rộng 20 mm (không tính đường kẻ).

3. Dọc theo chiều dài ở phía trên của dấu khắc chữ “**CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y**¹⁷”, chiều cao của chữ là 8 mm, bề rộng của nét chữ là 1,5 mm.

4. Ở giữa dấu khắc chữ “**NỘI ĐỊA**”, chiều cao của chữ là 12 mm, bề rộng của nét chữ là 2 mm.

5. Dọc theo chiều dài ở phía dưới của dấu khắc mã số của cơ sở giết mổ, chiều cao của chữ và số là 8 mm, bề rộng của nét chữ và số là 1,5 mm.

6. Mẫu dấu theo hướng dẫn như Hình 3 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; Dấu được dùng đối với thân thịt gia súc không sử dụng để xuất khẩu, nhưng bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y để tiêu thụ nội địa.

Điều 17. Mẫu dấu kiểm soát giết mổ đóng trên thân thịt gia cầm để tiêu thụ nội địa

1. Dấu hình chữ nhật, có kích thước: Dài 40 mm, rộng 27 mm, các đường thẳng có bề rộng 0,5 mm.

2. Dấu được chia thành 3 phần theo chiều dài: Phần trên và phần dưới rộng 7,5mm, phần giữa rộng 10 mm (không kể đường kẻ).

3. Dọc theo chiều dài phần trên của dấu khắc chữ “**CỤC CHĂN NUÔI VÀ**

¹⁶ Cụm từ “Cục Thú y” được thay thế bằng cụm từ “Cục Chăn nuôi và Thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

¹⁷ Cụm từ “Cục Thú y” được thay thế bằng cụm từ “Cục Chăn nuôi và Thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

THÚ Y¹⁸, chiều cao của chữ là 3 mm, bề rộng của nét chữ là 0,5 mm.

4. Ở giữa dấu khắc chữ **“NỘI ĐỊA”**, chiều cao của chữ là 6 mm, bề rộng của nét chữ là 1 mm.

5. Dọc theo chiều dài phần dưới của dấu khắc mã số của cơ sở giết mổ, chiều cao của chữ và số là 3 mm, bề rộng của nét chữ và số là 0,5 mm.

6. Mẫu dấu theo hướng dẫn như Hình 4 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; Dấu được dùng đối với thân thịt gia cầm không sử dụng để xuất khẩu, nhưng bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y để tiêu thụ nội địa.

Điều 18. Mẫu dấu dùng để đóng trên thân thịt gia súc phải xử lý vệ sinh thú y

1. Dấu hình ô van, có kích thước:

- a) Vòng ngoài có bề rộng 80 mm, chiều cao 50 mm;
- b) Vòng trong có bề rộng 60 mm, chiều cao 30 mm;
- c) Đường ô van ngoài và đường ô van trong của dấu có bề rộng là 1 mm.

2. Khoảng cách giữa đường ô van trong và đường ô van ngoài của dấu như sau:

a) Phía trên khắc chữ **“CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y¹⁹”**, chiều cao của chữ là 4 mm, bề rộng của nét chữ là 1 mm;

b) Phía dưới khắc mã số của cơ sở giết mổ, chiều cao của chữ và số là 4mm, bề rộng của nét chữ và số là 1 mm;

3. Hình ô van phía trong của dấu khắc chữ **“XỬ LÝ V.S.T.Y”** (viết tắt của cụm từ xử lý vệ sinh thú y), chiều cao của chữ là 8 mm, bề rộng của nét chữ là 2 mm.

4. Mẫu dấu theo hướng dẫn như Hình 5 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 19. Mẫu dấu dùng để đóng trên thân thịt gia cầm phải xử lý vệ sinh thú y

1. Dấu hình ô van, có kích thước: Vòng ngoài có bề rộng 40 mm, chiều cao 30 mm; vòng trong có bề rộng 28 mm, chiều cao 18 mm; đường ô van ngoài và đường ô van trong có bề rộng là 0,5 mm.

2. Khoảng cách giữa đường ô van trong và đường ô van ngoài của dấu:

¹⁸ Cụm từ “Cục Thú y” được thay thế bằng cụm từ “Cục Chăn nuôi và Thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

¹⁹ Cụm từ “Cục Thú y” được thay thế bằng cụm từ “Cục Chăn nuôi và Thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

a) Phía trên khắc chữ “**CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y**²⁰”, chiều cao của chữ là 3,5 mm, bề rộng của nét chữ là 1 mm;

b) Phía dưới khắc mã số của cơ sở giết mổ, chiều cao của chữ và số là 3,5 mm, bề rộng của nét chữ và số là 1 mm.

3. Hình ô van phía trong của dấu khắc chữ “**XỬ LÝ V.S.T.Y**” (viết tắt của cụm từ xử lý vệ sinh thú y), chiều cao của chữ là 5 mm, bề rộng của nét chữ là 1 mm.

4. Mẫu dấu theo hướng dẫn như Hình 6 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 20. Mẫu dấu dùng để đóng trên thân thịt gia súc phải tiêu hủy

1. Dấu hình tam giác đều được chia thành 3 phần, kích thước mỗi cạnh của tam giác là 80 mm, các đường thẳng có bề rộng là 1 mm.

2. Phần đỉnh của dấu có đường cao là 30 mm (không tính đường kẻ), khắc mã số của cơ sở giết mổ, chiều cao của chữ và số là 8 mm, bề rộng của nét chữ và số là 1,5 mm.

3. Phần giữa của dấu có đường cao là 22 mm (không tính đường kẻ), khắc chữ “**HỦY**”, chiều cao của chữ là 12 mm, bề rộng của nét chữ là 2 mm.

4. Phần đáy của dấu có đường cao là 15 mm (không tính đường kẻ), khắc chữ “**CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y**²¹”, chiều cao của chữ là 8 mm, bề rộng của nét chữ là 1,5 mm.

5. Mẫu dấu theo hướng dẫn như Hình 7 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 21. Mẫu dấu dùng để đóng trên thân thịt gia cầm phải tiêu hủy

1. Dấu có hình tam giác đều được chia thành 3 phần, kích thước mỗi cạnh của tam giác là 40 mm, các đường thẳng có bề rộng là 1 mm.

2. Phần đỉnh của dấu có đường cao là 16 mm (không tính đường kẻ), khắc mã số của cơ sở giết mổ, chiều cao của chữ và số là 3 mm, bề rộng của nét chữ và số là 0,5 mm.

3. Phần giữa của dấu có đường cao là 10 mm (không tính đường kẻ), khắc chữ “**HỦY**”, chiều cao của chữ là 7 mm, bề rộng của nét chữ là 1,5 mm.

4. Phần đáy của dấu có đường cao là 7,5 mm (không tính đường kẻ), khắc

²⁰ Cụm từ “Cục Thú y” được thay thế bằng cụm từ “Cục Chăn nuôi và Thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²¹ Cụm từ “Cục Thú y” được thay thế bằng cụm từ “Cục Chăn nuôi và Thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

chữ “**CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y**²²”, chiều cao của chữ là 3 mm, bề rộng của nét chữ là 0,5 mm.

5. Mẫu dấu theo hướng dẫn như Hình 8 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Mục 2

MẪU DẤU KIỂM SOÁT GIẾT MỔ SỬ DỤNG TẠI CƠ SỞ GIẾT MỔ TIÊU THỤ NỘI ĐỊA

Điều 22. Mẫu dấu kiểm soát giết mổ đóng trên thân thịt gia súc để tiêu thụ nội địa

1. Hình dáng, kích thước của dấu theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 16 của Thông tư này.

2. Đọc theo chiều dài ở phía trên của dấu khắc tên cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y²³ cấp tỉnh “**CHI CỤC**”, chiều cao của chữ là 5-8 mm, bề rộng của nét chữ là 1-1,5 mm.

3. Ở giữa dấu, khắc chữ “**K. S. G. M**” (viết tắt của cụm từ kiểm soát giết mổ), chiều cao của chữ là 12 mm, bề rộng của nét chữ là 2 mm.

4. Đọc theo chiều dài ở phía dưới của dấu khắc mã số của cơ sở giết mổ, chiều cao của chữ và số, bề rộng của nét chữ cùng một cỡ theo khoản 2 Điều này.

5. Mẫu dấu theo hướng dẫn như Hình 9 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 23. Mẫu dấu kiểm soát giết mổ đóng trên thân thịt gia cầm để tiêu thụ nội địa

1. Hình dáng, kích thước của dấu theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 17 của Thông tư này.

2. Đọc theo chiều dài phần trên của dấu khắc tên cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y²⁴ cấp tỉnh “**CHI CỤC**”, chiều cao của chữ là 1-3 mm, bề rộng của nét chữ là 0,3-0,5 mm.

3. Ở giữa dấu, khắc chữ “**K. S. G. M**” (viết tắt của cụm từ kiểm soát giết mổ), chiều cao của chữ là 6 mm, bề rộng của nét chữ là 1 mm.

4. Đọc theo chiều dài phần dưới của dấu khắc mã số của cơ sở giết mổ, chiều

²² Cụm từ “Cục Thú y” được thay thế bằng cụm từ “Cục Chăn nuôi và Thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²³ Cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²⁴ Cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

cao của chữ và số, bề rộng của nét chữ và số cùng một cỡ theo khoản 2 Điều này.

5. Mẫu dấu theo hướng dẫn như Hình 10 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 24. Mẫu dấu dùng để đóng trên thân thịt gia súc phải xử lý vệ sinh thú y

1. Hình dáng, kích thước của dấu theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Thông tư này.

2. Khoảng cách giữa đường ô van trong và đường ô van ngoài của dấu:

a) Phía trên khắc tên cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y²⁵ cấp tỉnh “**CHI CỤC**”, chiều cao của chữ là 2-4 mm, bề rộng của nét chữ là 0,5-1 mm;

b) Phía dưới khắc mã số của cơ sở giết mổ, chiều cao của chữ và số, bề rộng của nét chữ và số cùng một cỡ theo điểm a khoản này.

3. Hình ô van phía trong của dấu khắc chữ “**XỬ LÝ V.S.T.Y**” (viết tắt của cụm từ xử lý vệ sinh thú y), chiều cao của chữ là 8 mm, bề rộng của nét chữ là 2 mm.

4. Mẫu dấu theo hướng dẫn như Hình 11 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 25. Mẫu dấu dùng để đóng trên thân thịt gia cầm phải xử lý vệ sinh thú y

1. Hình dáng, kích thước và nội dung của dấu theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 19 của Thông tư này.

2. Khoảng cách giữa đường ô van trong và đường ô van ngoài của dấu:

a) Phía trên khắc tên cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y²⁶ cấp tỉnh “**CHI CỤC**”, chiều cao của chữ là 1,5-3,5 mm, bề rộng của nét chữ là 0,5-1 mm;

b) Phía dưới khắc mã số của cơ sở giết mổ, chiều cao của chữ và số, bề rộng của nét chữ và số cùng một cỡ theo điểm a khoản này.

4. Mẫu dấu theo hướng dẫn như Hình 12 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 26. Mẫu dấu dùng để đóng trên thân thịt gia súc phải tiêu hủy

1. Hình dáng, kích thước và nội dung của dấu theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 20 của Thông tư này.

²⁵ Cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²⁶ Cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Phần đáy của dấu có khắc tên cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y²⁷ cấp tỉnh “**CHI CỤC**”, chiều cao của chữ là 5-8 mm, bề rộng của nét chữ là 1-1,5 mm.

3. Mẫu dấu theo hướng dẫn như Hình 13 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 27. Mẫu dấu dùng để đóng trên thân thịt gia cầm phải tiêu hủy

1. Hình dáng, kích thước của dấu theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Thông tư này.

2. Phần đỉnh của dấu theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Thông tư này.

3. Phần giữa của dấu theo quy định tại khoản 3 Điều 21 của Thông tư này.

4. Phần đáy của dấu có đường cao là 7,5 mm (không tính đường kẻ), khắc tên cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y²⁸ cấp tỉnh “**CHI CỤC**”, chiều cao của chữ là 1-3 mm, bề rộng của nét chữ là 0,3-0,5 mm.

5. Mẫu dấu theo hướng dẫn như Hình 14 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Mục 3

MẪU TEM VỆ SINH THÚ Y

Điều 28. Mẫu tem vệ sinh thú y dùng cho cơ sở giết mổ động vật xuất khẩu và cơ sở vừa có xuất khẩu và tiêu thụ nội địa

1. Mẫu tem vệ sinh thú y dùng cho sản phẩm động vật theo hướng dẫn như Hình 15 của Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này:

a) Tem hình chữ nhật, có kích thước: Dài 60-70 mm, rộng 35-40 mm, các đường thẳng có bề rộng 1 mm màu đỏ. Nền tem màu trắng, chữ đỏ;

b) Tem được chia thành 3 phần theo chiều dài: Phần trên và phần giữa rộng 11-13,5 mm, phần dưới rộng 7-9 mm (không tính đường kẻ);

c) Góc trái phần trên có biểu tượng kiểm dịch động vật, đường kính của biểu tượng là 10,5-13mm²⁹. Bên phải ở phần trên in chữ “**CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ**

²⁷ Cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²⁸ Cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²⁹ Cụm từ “đường kính của biểu tượng là 14-15 mm” được thay thế bằng cụm từ “đường kính của biểu tượng là 10,5-13mm” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

Y³⁰” và **“MÃ SỐ...”** của cơ sở giết mổ, phong chữ Arial, cỡ chữ 13-14 và nét đậm;

d) Ở phần giữa của tem, in chữ **“KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y”**, phong chữ Arial, cỡ chữ 15-16 và nét đậm;

đ) Phần dưới của tem in **“Ngày tháng năm 20....”**, phong chữ Arial, cỡ chữ 11-12 và nét đậm.

2. Mẫu tem vệ sinh thú y dùng cho sản phẩm động vật phải xử lý vệ sinh thú y theo hướng dẫn như Hình 16 của Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này:

a) Tem có hình dáng, kích thước, nội dung phần trên và phần dưới theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này;

b) Phần giữa của tem, in chữ **“XỬ LÝ VỆ SINH THÚ Y”**, phong chữ Arial, cỡ chữ 14-16 và nét đậm.

3. Mẫu tem vệ sinh thú y dùng cho sản phẩm động vật phải tiêu hủy theo hướng dẫn như Hình 17 của Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này:

a) Tem có hình dáng, kích thước, nội dung phần trên và phần dưới theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này;

b) Phần giữa của tem, in chữ **“HỦY”** phong chữ Arial, cỡ chữ 18-20 và nét đậm.

Điều 29. Mẫu tem vệ sinh thú y dùng cho sản phẩm động vật để tiêu thụ nội địa (bao gồm sản phẩm động vật nhập khẩu)

1. Mẫu tem vệ sinh thú y dùng cho sản phẩm động vật theo hướng dẫn như Hình 18 của Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này:

a) Tem có hình dáng, kích thước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Thông tư này, các đường thẳng có bề rộng 1 mm màu xanh đậm. Nền tem màu trắng, chữ xanh đậm;

b) Tem được chia thành 3 phần theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 của Thông tư này;

c)³¹ Góc trái phần trên có biểu tượng kiểm dịch động vật, đường kính của biểu tượng là 10,5-13mm. Bên phải ở phần trên in tên của cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y³² cấp tỉnh **“CHI CỤC**”, phong chữ Arial, cỡ chữ 10-14 và nét đậm; trường hợp tên đơn vị quá dài, viết tắt tên cơ quan quản lý chuyên

³⁰ Cụm từ “Cục Thú y” được thay thế bằng cụm từ “Cục Chăn nuôi và Thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³¹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

³² Cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

ngành chăn nuôi và thú y³³ cấp tỉnh;

d) Phần giữa của tem theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 28 của Thông tư này;

đ) Phần dưới của tem theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 của Thông tư này.

2. Mẫu tem vệ sinh thú y dùng cho sản phẩm động vật phải xử lý vệ sinh thú y theo hướng dẫn như Hình 19 của Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này:

a) Tem có hình dáng, kích thước, nội dung phần trên và phần dưới theo quy định tại các khoản điểm a, b, c, đ khoản 1 Điều này;

b) Phần giữa của tem theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 của Thông tư này.

3. Mẫu tem vệ sinh thú y dùng cho sản phẩm động vật phải tiêu hủy theo hướng dẫn như Hình 20 của Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này:

a) Tem có hình dáng, kích thước, nội dung phần trên và phần dưới theo quy định tại các điểm a, b, c, đ khoản 1 Điều này;

b) Phần giữa của tem theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 28 của Thông tư này.

Điều 30. Quy định sử dụng Tem vệ sinh thú y

1. Tem vệ sinh thú y chỉ được sử dụng đối với thân thịt hoặc sản phẩm động vật được bao gói kín, cụ thể như sau:³⁴

a) Tại cơ sở giết mổ: Đối với thân thịt không đóng dấu kiểm soát giết mổ theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 32 của Thông tư này hoặc phủ tạng đỏ như tim, gan, thận và phụ phẩm sử dụng làm thực phẩm;

b) Tại cơ sở sơ chế sản phẩm động vật thuộc cơ sở giết mổ: Đối với sản phẩm động vật được pha lóc, sơ chế từ thân thịt, thịt mảnh, thịt miếng đã qua kiểm soát giết mổ nhưng không thực hiện đóng dấu kiểm soát giết mổ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 của Thông tư này.

2. Tem vệ sinh thú y được dán trên bao bì hoặc được bỏ vào giữa hai lớp bao bì chứa đựng sản phẩm.

³³ Cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³⁴ Cụm từ “Sử dụng Tem vệ sinh thú y đối với thân thịt hoặc sản phẩm động vật được bao gói kín như sau:” được thay thế bằng cụm từ “Tem vệ sinh thú y chỉ được sử dụng đối với thân thịt hoặc sản phẩm động vật được bao gói kín, cụ thể như sau:” theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

3. Phải đóng dấu của cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y³⁵ thực hiện kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y khi sử dụng trên tem vệ sinh thú y.

Mục 4

QUY ĐỊNH VỀ DẤU KIỂM SOÁT GIẾT MỔ VÀ VỊ TRÍ ĐÓNG DẤU

Điều 31. Quy định về dấu kiểm soát giết mổ

1.³⁶ Chữ khắc trên dấu phải là chữ in hoa, phông chữ Arial; trường hợp tên đơn vị quá dài, được viết tắt tên cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y³⁷ cấp tỉnh.

2.³⁸ Thành phần mực dấu phải sử dụng phẩm màu trong danh mục phụ gia thực phẩm được phép sử dụng trong thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế; màu mực phải đậm, khi đóng không nhòe; mực dấu đóng trên thân thịt bảo đảm không làm biến đổi chất lượng của thịt, sản phẩm động vật và không ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người tiêu dùng.

3. Mực dấu màu đỏ sử dụng cho mẫu dấu quy định tại các Điều 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21 của Thông tư này.

4. Mực dấu màu tím sử dụng cho mẫu dấu quy định tại các Điều 22, 23, 24, 25, 26, 27 của Thông tư này.

5. Trường hợp da của động vật có màu tối, có thể sử dụng các loại dấu chín (dấu nhiệt) có hình dáng, kích thước, nội dung theo quy định về mẫu dấu tại Thông tư này hoặc sử dụng hình thức đánh dấu kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y theo quy định tại Điều 33 của Thông tư này.

6.³⁹ Sử dụng các mẫu dấu dùng cho gia cầm để đóng dấu kiểm soát giết mổ trên thân thịt lợn sữa, thỏ.

³⁵ Cụm từ “cơ quan Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

³⁷ Cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

³⁹ Cụm từ “tiêu thụ nội địa” được bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

Điều 32. Vị trí đóng dấu kiểm soát giết mổ

1. Đối với thân thịt lợn choai, lợn sữa, thỏ: Đóng 01 dấu kiểm soát giết mổ tại vùng mông của thân thịt.

2. Đối với thân thịt gia súc:

a) Thân thịt, thịt mảnh từ cơ sở giết mổ được đưa tới cơ sở sơ chế, chế biến trong cùng 1 chuỗi khép kín: Đóng 01 dấu kiểm soát giết mổ tại vùng mông của mỗi thân thịt hoặc thịt mảnh;

b)⁴⁰ Thân thịt, thịt mảnh, thịt miếng để tiêu thụ trên thị trường: đóng 01 dấu kiểm soát giết mổ ở vùng vai, 01 dấu ở vùng bụng và 01 dấu ở vùng mông (đối với thân thịt); đóng 01 dấu kiểm soát giết mổ tại vị trí bảo đảm được sự nhận dạng là đã kiểm tra vệ sinh thú y (đối với thịt mảnh, thịt miếng).

3. Đối với thân thịt gia cầm:

a) Thân thịt gia cầm để xuất khẩu: Đóng 01 dấu kiểm soát giết mổ tại lườn của thân thịt;

b) Thân thịt gia cầm để tiêu thụ nội địa: Đóng 02 dấu kiểm soát giết mổ tại hai bên lườn của thân thịt; trường hợp bao gói nguyên con, đóng 01 dấu tại lườn của thân thịt.

Điều 33. Quy định về đánh dấu kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y

Việc đánh dấu kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y được thực hiện như sau:

1. Đối với sản phẩm động vật được bao gói kín mà không áp dụng quy định tại Điều 30 hoặc Điều 32 của Thông tư này: Phải sử dụng hình thức đánh dấu kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y.

2. Sản phẩm động vật nêu tại khoản 1 Điều này phải được bao gói bằng túi kín làm từ vật liệu bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định; trên bao bì có in trực tiếp mẫu đánh dấu với mã số để nhận biết sản phẩm đã qua kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y.

3. Quản lý việc đánh dấu kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y:

a) Số lượng và mẫu bao bì nêu tại khoản 2 Điều này do cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y⁴¹ có thẩm quyền kiểm tra, giám sát;

b) Mẫu đánh dấu kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y được in ở mặt

⁴⁰ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

⁴¹ Cụm từ “cơ quan Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

trước, góc trên bên phải phía trên của bao bì;

c) Hình dáng, kích thước, nội dung của mẫu đánh dấu kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y theo quy định tại Điều 23 của Thông tư này;

d) Mã số đánh dấu kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y do cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y⁴² có thẩm quyền cấp theo quy định tại Điều 35 của Thông tư này, được quản lý và thông báo đến các cơ quan liên quan để phối hợp quản lý.

Điều 34. Đóng dấu kiểm soát giết mổ đối với thân thịt không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y

1. Thân thịt không bảo đảm vệ sinh thú y phải xử lý hoặc tiêu hủy phải được đóng dấu theo quy định tại Điều 18, 19, 20, 21 đối với cơ sở giết mổ xuất khẩu và Điều 24, 25, 26, 27 của Thông tư này đối với cơ sở giết mổ nội địa; vị trí đóng dấu phải bảo đảm được sự nhận dạng là đã kiểm tra vệ sinh thú y đối với thịt và các sản phẩm động vật đó.

2. Nhân viên thú y tại cơ sở giết mổ phải giám sát chặt chẽ việc xử lý vệ sinh thú y đối với thân thịt động vật không bảo đảm vệ sinh thú y theo quy định.

Điều 35. Quy định về mã số của các cơ sở giết mổ

1. Đối với các cơ sở giết mổ động vật xuất khẩu:

a) Mã số của cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y⁴³ quản lý cơ sở giết mổ được thực hiện theo quy định về mã số kiểm dịch động vật;

b) Mã số của cơ sở gồm: Ký tự chữ cái in hoa (A, B, C...) là mã số của cơ quan quản lý cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm xuất khẩu và số thứ tự (1, 2, 3, ...); trường hợp viết liền thì ký tự đứng trước, số thứ tự đứng sau;

Ví dụ: Mã số A 1 (A là mã số của Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng⁴⁴ II, 1 là số thứ tự cơ sở do Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng⁴⁵ II quản lý)

⁴² Cụm từ “cơ quan Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁴³ Cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁴⁴ Cụm từ “Chi cục Thú y vùng” được thay thế bằng cụm từ “Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁴⁵ Cụm từ “Chi cục Thú y vùng” được thay thế bằng cụm từ “Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

c) Cục Chăn nuôi và Thú y⁴⁶ quy định cụ thể mã số trên dấu kiểm soát giết mổ, tem vệ sinh thú y đối với từng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm xuất khẩu.

2. Đối với các cơ sở giết mổ động vật tiêu dùng nội địa:

a)⁴⁷ Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh quy định cụ thể mã số trên dấu kiểm soát giết mổ, tem vệ sinh thú y căn cứ theo quy định về mã số kiểm dịch động vật đối với từng xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là cấp xã) và từng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; quản lý và cấp mã số KSGM cho đơn vị thực hiện kiểm soát giết mổ động vật tại địa phương;

b)⁴⁸ Mã số của cơ sở gồm: 02 (hai) số đầu là mã số của cấp tỉnh; 03 (ba) số tiếp theo là mã số của cấp xã; 02 (hai) số cuối cùng là số thứ tự.

c)⁴⁹ **(Được bãi bỏ)**

Điều 36. Quy định chung về quy trình kiểm tra vệ sinh thú y⁵⁰

1. Căn cứ kiểm tra vệ sinh thú y

a) Các tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng;

b) Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Đối với các cơ sở nêu tại điểm d mục 2 Phụ lục I thực hiện kiểm tra vệ sinh thú y theo quy trình và hồ sơ quy định tại Điều 37 của Thông tư này.

3. Đối với cơ sở xuất khẩu, việc kiểm tra vệ sinh thú y thực hiện theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng.

4. Không thực hiện kiểm tra vệ sinh thú y lần đầu và định kỳ đối với cơ sở có một trong các loại Giấy chứng nhận sau đây hoặc tương đương còn hiệu lực: Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP); Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (GLOBALG.A.P.); Thực hành sản xuất tốt (GMP); Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP); Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS); Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC); Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000); an toàn dịch bệnh; đủ điều kiện chăn nuôi; đủ điều kiện

⁴⁶ Cụm từ “Cục Thú y” được thay thế bằng cụm từ “Cục Chăn nuôi và Thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁴⁷ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁴⁸ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁴⁹ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 24 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁵⁰ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 15/2024/TT-BNNPTNT ngày 20/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.

sản xuất thức ăn chăn nuôi.

5. Mẫu lấy trong quá trình kiểm tra vệ sinh thú y phải được phân tích bởi phòng thử nghiệm có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định, trong đó phép thử được đăng ký phải phù hợp với chỉ tiêu kiểm tra vệ sinh thú y.

Điều 37. Quy trình, hồ sơ kiểm tra vệ sinh thú y⁵¹

1.⁵² Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y thực hiện kiểm tra vệ sinh thú y, sau đây gọi là Cơ quan kiểm tra

a) Cục Chăn nuôi và Thú y: Cơ sở xuất khẩu; cơ sở hỗn hợp xuất khẩu và tiêu trong nước; cơ sở hỗn hợp xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng: Cơ sở nhập khẩu; cơ sở hỗn hợp nhập khẩu và tiêu dùng trong nước tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh: Cơ sở không thuộc điểm a, điểm b khoản này.

2. Cơ quan kiểm tra nêu tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm thành lập đoàn kiểm tra, gửi văn bản đề nghị các cơ quan liên quan cử thành viên tham gia đoàn kiểm tra (nếu cần); thành viên đoàn kiểm tra đáp ứng yêu cầu sau:

a) Trưởng đoàn: Là lãnh đạo cấp phòng trở lên của Cơ quan kiểm tra hoặc công chức có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong quản lý nhà nước về thú y, chăn nuôi thú y hoặc thủy sản;

b) Thành viên: Có ít nhất 01 thành viên được tập huấn về đánh giá vệ sinh thú y do Cục Chăn nuôi và Thú y⁵³ tổ chức; có ít nhất 01 thành viên có trình độ từ đại học trở lên về một trong các lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản;

c) Người lấy mẫu: Có Giấy chứng nhận tham gia đào tạo hoặc tập huấn có nội dung về lấy mẫu.

3. Nội dung kiểm tra

Thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 68 Luật Thú y.

4. Phương pháp kiểm tra

a) Kiểm tra hồ sơ, tài liệu và phỏng vấn tổ chức, cá nhân có liên quan; kiểm

⁵¹ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 15/2024/TT-BNNPTNT ngày 20/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.

⁵² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁵³ Cụm từ “Cục Thú y” được thay thế bằng cụm từ “Cục Chăn nuôi và Thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

tra hiện trường; lấy mẫu theo quy định và lập Biên bản theo Mẫu 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đánh dấu vào các vị trí của mỗi chỉ tiêu, chỉ xác định mức ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT tại cột có ký hiệu [];

c) Đối với chỉ tiêu không đạt yêu cầu, phải diễn giải chi tiết nội dung và lý do;

d) Không thay đổi nội dung, thêm, bớt chỉ tiêu đánh giá;

đ) Cơ sở xếp loại “ĐẠT” khi có tối thiểu 70% các chỉ tiêu được đánh giá “Đạt”; cơ sở xếp loại “KHÔNG ĐẠT” khi có dưới 70% các chỉ tiêu được đánh giá “Đạt”;

e) Cơ sở xếp loại “KHÔNG ĐẠT”, sau khi khắc phục, gửi báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu 07đ tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan kiểm tra;

g) Trường hợp phải tổ chức phòng, chống thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật: Áp dụng hình thức kiểm tra trực tuyến đối với cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh. Cơ quan kiểm tra căn cứ kết quả kiểm tra trực tuyến để lập biên bản kiểm tra vệ sinh thú y; cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, tài liệu, hình ảnh, hồ sơ cung cấp cho cơ quan kiểm tra.

5. Tần suất kiểm tra

a) Kiểm tra lần đầu đối với các cơ sở mới thành lập;

b) Kiểm tra định kỳ

Đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung: định kỳ 36 tháng tính từ thời điểm ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y gần nhất đạt yêu cầu;

Đối với các cơ sở còn lại khác: Định kỳ 18 tháng tính từ thời điểm ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y gần nhất đạt yêu cầu;

c) Kiểm tra đột xuất

Việc kiểm tra đột xuất được thực hiện khi cơ sở thuộc một trong các trường hợp sau: Có dấu hiệu không tuân thủ yêu cầu vệ sinh thú y; có phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân; có sự cố về vệ sinh thú y; cơ sở kiểm tra không đạt, phải khắc phục theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra; có cảnh báo của nước nhập khẩu;

d) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm động vật để xuất khẩu: Thực hiện theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng.

6. Trình tự thực hiện

a) Hằng năm, cơ quan kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều này căn cứ danh sách cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý để xây dựng kế hoạch kiểm tra; lập dự toán kinh phí trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thành lập đoàn kiểm tra; thông báo kế hoạch, thời gian, nội dung, phương pháp kiểm tra đến các cơ sở được kiểm tra;

b) Tổ chức kiểm tra

Đoàn kiểm tra tổ chức thực hiện kiểm tra tại cơ sở, thu thập thông tin mô tả tóm tắt về cơ sở theo Mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

Tiến hành đánh giá theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, ghi đầy đủ mức đánh giá đối với từng chỉ tiêu vào ô tương ứng của Biên bản kiểm tra theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể như sau:

Mẫu 07a: Biên bản kiểm tra vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung; Mẫu 07b: Biên bản kiểm tra vệ sinh thú y đối với cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; Mẫu 07c: Biên bản kiểm tra vệ sinh thú y đối với cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm; cơ sở sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật để kinh doanh; Mẫu 07d: Biên bản kiểm tra vệ sinh thú y đối với cơ sở kinh doanh sản phẩm động vật.

c) Lấy mẫu: Trường hợp nghi ngờ chỉ tiêu kiểm tra không bảo đảm vệ sinh thú y thì phải lấy mẫu và tham chiếu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng để đánh giá.

Tổ chức, cá nhân được quyền khiếu nại trong trường hợp không đồng ý về kết quả xét nghiệm lần đầu và được phép lấy mẫu lại hoặc sử dụng mẫu lưu để xét nghiệm lại. Trường hợp kết quả xét nghiệm sai lệch, chi phí xét nghiệm lại do bên xét nghiệm tự chi trả.

d) Lập Biên bản, ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y

Đối với cơ sở không phải lấy mẫu: Trưởng đoàn kiểm tra gửi Biên bản kiểm tra đến Thủ trưởng cơ quan kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều này; căn cứ Biên bản kiểm tra, Thủ trưởng cơ quan kiểm tra ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y theo Mẫu 07e quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Việc gửi Biên bản kiểm tra và ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y hoàn thành trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

Đối với cơ sở phải lấy mẫu: Trưởng đoàn kiểm tra gửi Biên bản kiểm tra đến Thủ trưởng cơ quan kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều này; căn cứ Biên bản kiểm tra và kết quả xét nghiệm mẫu, Thủ trưởng cơ quan kiểm tra ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y theo Mẫu 07e quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Việc gửi Biên bản kiểm tra và ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y hoàn thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

Đối với cơ sở đang hoạt động, trong quá trình kiểm tra phát hiện có hành vi vi phạm hành chính về vệ sinh thú y, đoàn kiểm tra lập biên bản kiểm tra và biên bản làm việc; xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

đ) Việc kiểm tra định kỳ thực hiện theo trình tự quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này; kiểm tra lần đầu và kiểm tra đột xuất thực hiện theo trình tự quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản này;

e) Đối với cơ sở xếp loại “KHÔNG ĐẠT”, phải khắc phục: Sau khi nhận được báo cáo khắc phục của cơ sở, đoàn kiểm tra xem xét, đánh giá nội dung khắc phục. Nếu nội dung khắc phục đạt yêu cầu, Trưởng đoàn kiểm tra gửi Biên bản kiểm tra (kèm Báo cáo khắc phục của cơ sở) đến Thủ trưởng Cơ quan kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều này, Thủ trưởng cơ quan kiểm tra ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y theo Mẫu 07e quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Việc gửi Biên bản kiểm tra và ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y hoàn thành trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Báo cáo khắc phục đạt yêu cầu.

Trong trường hợp nội dung báo cáo khắc phục không đạt yêu cầu, đoàn kiểm tra đến cơ sở để kiểm tra nội dung khắc phục. Trình tự thực hiện kiểm tra nội dung khắc phục thực hiện theo trình tự kiểm tra đột xuất.

Điều 38. (Được bãi bỏ)⁵⁴

Điều 39. Kiểm tra yêu cầu vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật, thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật⁵⁵

1. Động vật

a) Nội dung kiểm tra: kiểm tra việc đáp ứng yêu cầu tại Điều 4 của Thông tư này đối với động vật đưa vào giết mổ;

b) Phương pháp kiểm tra: kiểm tra hồ sơ, lâm sàng, lấy mẫu (trong trường hợp động vật có biểu hiện bất thường hoặc nghi ngờ động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y).

2. Sản phẩm động vật; thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật (gọi chung là sản phẩm)

a) Nội dung kiểm tra: kiểm tra việc đáp ứng yêu cầu về chỉ tiêu vi sinh vật, hóa học, lý học theo các quy định hiện hành của Việt Nam (đối với sản phẩm động vật để tiêu thụ nội địa); các quy định của nước nhập khẩu (đối với sản phẩm để xuất khẩu);

b) Phương pháp kiểm tra: kiểm tra cảm quan, lấy mẫu (trong trường hợp nghi ngờ sản phẩm không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y).

3. Phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật; vật dụng chứa đựng sản phẩm động vật:

a) Nội dung kiểm tra: kiểm tra việc khử trùng, tiêu độc và việc đáp ứng yêu cầu tại Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 01-100:2012/BNNPTNT Yêu cầu chung về vệ

⁵⁴ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 15/2024/TT-BNNPTNT ngày 20/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.

⁵⁵ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

sinh thú y trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật tươi sống và sơ chế;

b) Phương pháp kiểm tra: kiểm tra cảm quan, lấy mẫu (trong trường hợp nghi ngờ phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật; vật dụng chứa đựng sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y).

4. Quy trình kiểm tra

a) Việc kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật, thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và phương tiện vận chuyển gắn liền với hoạt động kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y cơ sở tại điểm d mục 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Việc kiểm tra vệ sinh thú y đối với sản phẩm động vật nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh được thực hiện đồng thời với hoạt động kiểm dịch động vật.

5. Trường hợp phải lấy mẫu theo quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này, mẫu đó phải được phân tích bởi phòng thử nghiệm có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định.

Điều 40. Giám sát vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm đối với động vật, sản phẩm động vật sử dụng làm thực phẩm⁵⁶

1. Đối tượng giám sát:

- a) Động vật đưa vào giết mổ;
- b) Thịt và sản phẩm thịt tại cơ sở giết mổ và kinh doanh;
- c) Sữa tươi nguyên liệu, mật ong, tổ yến tại các cơ sở chăn nuôi, thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản, kinh doanh;
- d) Sản phẩm động vật nhập khẩu sử dụng làm thực phẩm;
- đ) Các loại sản phẩm động vật sử dụng làm thực phẩm khác khi có yêu cầu.

2. Xây dựng kế hoạch, nội dung giám sát:

a) Kế hoạch, nội dung giám sát sản phẩm động vật xuất khẩu và nhập khẩu: hằng năm, Cục Chăn nuôi và Thú y⁵⁷ chủ trì xây dựng kế hoạch, nội dung giám sát và trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁵⁸ phê duyệt, cấp kinh phí để thực hiện;

⁵⁶ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

⁵⁷ Cụm từ “Cục Thú y” được thay thế bằng cụm từ “Cục Chăn nuôi và Thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁵⁸ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁵⁹ kết quả giám sát, phân tích mẫu và kế hoạch thực hiện năm tiếp theo; ban hành văn bản thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu sản phẩm động vật khi có yêu cầu; ban hành văn bản thông báo tới cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y⁶⁰ có thẩm quyền nước xuất khẩu, yêu cầu điều tra nguyên nhân, có hành động khắc phục và gửi báo cáo cho Cục Chăn nuôi và Thú y⁶¹ khi mẫu giám sát không bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của Việt Nam;

b) Kế hoạch, nội dung giám sát sản phẩm động vật tiêu dùng trong nước: hằng năm, cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y⁶² cấp tỉnh chủ trì xây dựng kế hoạch, nội dung giám sát và trình cơ quan có thẩm quyền thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và cấp kinh phí để thực hiện; phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện kế hoạch được phê duyệt;

c) Quy định về việc lấy mẫu phân tích và kinh phí phân tích mẫu giám sát:

Cục Chăn nuôi và Thú y⁶³ tổ chức thực hiện việc lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu về ô nhiễm vi sinh vật và phân tích các chất tồn dư độc hại trong sản phẩm động vật theo kế hoạch đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁶⁴ phê duyệt và cấp kinh phí.

Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y⁶⁵ cấp tỉnh thực hiện việc lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu về ô nhiễm vi sinh vật và phân tích các chất tồn dư độc hại trong sản phẩm động vật theo kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền

⁵⁹ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁶⁰ Cụm từ “cơ quan Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁶¹ Cụm từ “Cục Thú y” được thay thế bằng cụm từ “Cục Chăn nuôi và Thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁶² Cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁶³ Cụm từ “Cục Thú y” được thay thế bằng cụm từ “Cục Chăn nuôi và Thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁶⁴ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁶⁵ Cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và cấp kinh phí.

Trường hợp cơ sở trong kế hoạch giám sát đã được phê duyệt có mẫu giám sát không bảo đảm yêu cầu theo quy định hiện hành hoặc cơ sở tham gia giám sát tự nguyện hoặc giám sát theo yêu cầu của nước nhập khẩu, chủ cơ sở phải chi trả chi phí phân tích mẫu giám sát;

d) Việc kiểm tra, giám sát mật ong thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁶⁶ về kiểm tra, giám sát vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với mật ong.

3. Hoạt động giám sát vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm được thực hiện như sau:

a) Đối với động vật, sản phẩm động vật sử dụng làm thực phẩm nhập khẩu: thực hiện đồng thời với hoạt động kiểm dịch;

b) Đối với động vật, sản phẩm động vật sử dụng làm thực phẩm xuất khẩu; vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: thực hiện đồng thời với hoạt động giám sát vệ sinh thú y cơ sở nêu tại khoản 2 Điều 38 của Thông tư này.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 41. Trách nhiệm của cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y⁶⁷

1. Trách nhiệm của Cục Chăn nuôi và Thú y⁶⁸:

a) Triển khai hướng dẫn việc thực hiện Thông tư này tới các đối tượng quy định tại Điều 2 của Thông tư này;

b) Xây dựng và trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁶⁹ Chương trình khung giám sát đối với đối tượng nêu tại khoản 1 Điều 40 của Thông tư này; sửa đổi, bổ sung căn cứ vào yêu cầu quản lý;

c) Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 75 của Luật Thú y;

⁶⁶ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁶⁷ Cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁶⁸ Cụm từ “Cục Thú y” được thay thế bằng cụm từ “Cục Chăn nuôi và Thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁶⁹ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

d) Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y cho những người làm nhiệm vụ kiểm soát giết mổ của cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y⁷⁰ cấp tỉnh.

2. Trách nhiệm của cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y⁷¹ cấp tỉnh:

a) Xây dựng và thực hiện Chương trình giám sát hàng năm đối với đối tượng nêu tại điểm a, b và d khoản 1 Điều 40 của Thông tư này;

b) Phân tích nguy cơ đối với động vật, sản phẩm động vật; truy xuất nguồn gốc đối với động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm vệ sinh thú y trong địa bàn tỉnh;

c) Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 75 của Luật thú y;

d) Tổ chức tập huấn, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y cho những người làm nhiệm vụ kiểm soát giết mổ thuộc địa bàn quản lý;

đ)⁷² Nhân viên thú y được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ kiểm tra vệ sinh thú y trong cơ sở giết mổ và thực hiện kiểm soát giết mổ động vật theo quy định tại Thông tư này phải được đào tạo chuyên ngành thú y hoặc chăn nuôi thú y trình độ trung cấp trở lên; được tập huấn và được cấp giấy xác nhận tập huấn kỹ thuật về kiểm soát giết mổ động vật.

Điều 42. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật thú y.

2.⁷³ *(Được bãi bỏ)*

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 76 của Luật thú y.

Điều 43. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và

⁷⁰ Cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁷¹ Cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁷² Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

⁷³ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 24 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

thú y⁷⁴ có thẩm quyền.

2. Phải có trách nhiệm lập sổ sách, ghi chép, lưu giữ thông tin để truy xuất nguồn gốc động vật, sản phẩm động vật theo quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật thú y.

3.⁷⁵ Cơ sở quy định tại điểm d mục 2 Phụ lục I của Thông tư này khi hoạt động phải bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, được cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y⁷⁶ có thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁷⁷

⁷⁴ Cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁷⁵ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 15/2024/TT-BNNPTNT ngày 20/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.

⁷⁶ Cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y” được thay thế bằng cụm từ “cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁷⁷ Điều 3, Điều 4 Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022 quy định như sau:

“Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng đến hết thời hạn ghi trên giấy.

2. Tem vệ sinh thú y dùng cho cơ sở giết mổ động vật xuất khẩu, cơ sở hỗn hợp vừa xuất khẩu và tiêu thụ nội địa đã được in trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3. Mẫu dấu kiểm soát giết mổ không phù hợp với quy định tại Thông tư này được sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

2. Cục trưởng Cục Thú y, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Thú y) để xem xét, sửa đổi, bổ sung/.”

Điều 3 Thông tư số 15/2024/TT-BNNPTNT ngày 20/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.

2. Quy định chuyển tiếp

a) Đối với Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đã cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trong vòng 60 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Cơ quan kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều 37 Thông tư này ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y đạt yêu cầu cho cơ sở;

Điều 44. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đã được cấp trước ngày 01/7/2016 mà chưa hết thời hạn thì vẫn có giá trị sử dụng đến hết thời hạn ghi trên giấy.

2. Đối với mẫu dấu kiểm soát giết mổ, mẫu tem vệ sinh thú y quy định trước đây mà không phù hợp với quy định tại Thông tư này, cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y phải thực hiện thay đổi lại muộn nhất ngày 30/6/2017.

Điều 45. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 7 năm 2016.

2. Thông tư này thay thế các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

a) Quyết định số 87/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy trình kiểm soát giết mổ động vật;

b) Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đã nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Cơ quan kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều 37 Thông tư này ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y sau khi kết thúc kiểm tra vệ sinh thú y đối với cơ sở.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Thú y) để xem xét, quyết định./.”

Điều 30, Điều 31 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y quy định như sau:

“Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Thông tư này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027, trừ các trường hợp sau đây:

a) Cục Chăn nuôi và Thú y hoặc đơn vị thuộc Bộ báo cáo Bộ trưởng đề xuất và được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Thông tư này;

b) Luật, Nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, thành phần hồ sơ, biểu mẫu hồ sơ giải quyết các thủ tục hành chính quy định tại Thông tư này được thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì các quy định tương ứng trong Thông tư này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

3. Trong thời gian các quy định của Thông tư này có hiệu lực, nếu quy định về thành phần hồ sơ, biểu mẫu trong Thông tư này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 31. Quy định chuyển tiếp

1. Các hồ sơ thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

2. Cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Thông tư này có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo thông suốt, không được yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp lại hồ sơ đã nộp, không thực hiện lại các bước đã thực hiện trước khi sắp xếp.

3. Thẻ tai sử dụng để đánh dấu gia súc vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh; chỉ hoặc dây niêm phong phương tiện vận chuyển, vật dụng chứa đựng động vật, sản phẩm động vật chưa sử dụng hết trước ngày Thông tư này có hiệu lực được phép sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

4. Hồ sơ, biểu mẫu thực hiện thủ tục hành chính về kiểm tra, miễn giám kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y nhập khẩu đang thực hiện trực tuyến trên Cổng thông tin Một cửa quốc gia tiếp tục thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Trường hợp cơ quan được phân quyền, phân cấp có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin Một cửa quốc gia để giải quyết các thủ tục hành chính này trước ngày 31 tháng 12 năm 2026 thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này kể từ ngày kết nối.”

b) Quyết định số 46/2005/QĐ-BNN ngày 25/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y; Danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y; Danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn vệ sinh thú y;

c) Quyết định số 48/2005/QĐ-BNN ngày 25/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định Mẫu dấu kiểm soát giết mổ, tem kiểm tra vệ sinh thú y;

d) Chương 3 của Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y;

đ) Thông tư số 30/2009/TT-BNN ngày 04/6/2009 Ban hành quy định kiểm tra, giám sát vệ sinh thú y đối với sản xuất, kinh doanh sản phẩm động vật, giết mổ động vật sử dụng làm thực phẩm.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁷⁸, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁷⁹ để xem xét, giải quyết./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: /VBHN-BNNMT

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo và đăng tải trên Công TTĐT Chính phủ);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ NN&MT;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (để đăng tải);
- Công TTĐT Bộ NN&MT (để đăng tải);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Chăn nuôi và Thú y, các đơn vị thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, CNTY.

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến

⁷⁸ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁷⁹ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Phụ lục I

DANH MỤC ĐỘNG VẬT THUỘC DIỆN PHẢI KIỂM SOÁT GIẾT MỎ; DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG THUỘC DIỆN PHẢI KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y; DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Danh mục động vật thuộc diện phải kiểm soát giết mổ

- a) Các loại gia súc nuôi: Trâu, bò, dê, cừu, lợn;
- b) Các loại gia cầm nuôi: Gà, vịt, ngan, ngỗng, chim cút, đà điểu;
- c) Các loại động vật trên cạn khác dùng làm thực phẩm: Ngựa, lừa, la, thỏ.

2. Danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y

- a)⁸⁰ Động vật để giết mổ;
- b)⁸¹ Sản phẩm động vật
 - Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm từ thịt ở dạng tươi sống, sơ chế, chế biến tại các cơ sở giết mổ động vật, sơ chế, chế biến, bảo quản, kinh doanh;
 - Trứng tươi, trứng muối và các sản phẩm sơ chế, chế biến từ trứng ở các cơ sở chăn nuôi, sơ chế, bảo quản, kinh doanh;
 - Sữa tươi nguyên liệu ở các cơ sở chăn nuôi, thu gom, sơ chế, bảo quản, kinh doanh;
 - Mật ong, sữa ong chúa, sáp ong ở các cơ sở chăn nuôi, thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản, kinh doanh;
 - Tổ yến ở các cơ sở chăn nuôi, thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản, kinh doanh;
 - Thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật (theo yêu cầu nước nhập khẩu);
- c)⁸² **(Được bãi bỏ)**

⁸⁰ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

⁸¹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

⁸² Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

d)⁸³ Cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật để kinh doanh; cơ sở kinh doanh sản phẩm động vật; cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm (theo yêu cầu của nước nhập khẩu);

đ) Phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật; vật dụng chứa đựng sản phẩm động vật.

3. Danh mục đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y

- a) Vi sinh vật gây ô nhiễm, gây bệnh truyền lây giữa động vật và người.
- b) Nội độc tố và ngoại độc tố của vi sinh vật.
- c) Nấm mốc, độc tố nấm mốc.
- d) Hormon kích thích sinh trưởng, kích dục tố và các loại hormon khác.
- đ) Nhiệt độ, độ ẩm, độ ồn, độ bụi, độ nhiễm khuẩn, ánh sáng.
- e) Khí độc, chất độc: NH_3 , H_2S , CO , CO_2 , Nitrat, Nitrit và các loại khí độc, chất độc khác.
- g) Chất phóng xạ.
- h) Kim loại nặng.
- i) Tồn dư thuốc thú y, hoá chất bảo vệ thực vật, chất cấm sử dụng trong chăn nuôi, thú y và thủy sản.
- k) Các hóa chất bảo quản thực phẩm và phụ gia thực phẩm.
- l) Các đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y khác theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc theo quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

⁸³ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 15/2024/TT-BNNPTNT ngày 20/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2025.

Phụ lục II

HỒ SƠ KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Mẫu: 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM⁸⁴

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Được bãi bỏ)

⁸⁴ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Thông tư số 15/2024/TT-BNNPTNT ngày 20/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.